

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No: 658/2026/TB-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
 - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
 - Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSVFL
 - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 27/07/2026
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volumn	Weighting
1	ACB	6.900	5,74%
2	BID	400	0,53%
3	CTG	2.000	2,14%
4	EIB	2.100	1,36%
5	HCM	1.000	0,95%
6	HDB	9.000	8,60%
7	LPB	1.200	2,33%
8	MBB	12.300	9,96%
9	MSB	1.600	0,94%
10	NAB	100	0,05%
11	OCB	200	0,08%
12	SHB	18.800	8,20%
13	SSB	400	0,23%
14	SSI	7.700	6,49%
15	STB	4.700	12,77%
16	TCB	11.600	12,27%
17	TPB	1.700	0,89%
18	VCB	1.600	3,20%
19	VCI	1.300	0,95%
20	VIB	1.600	0,85%
21	VIX	10.200	4,70%
22	VND	2.100	1,28%
23	VPB	15.500	14,30%

I	Chứng khoán/Stock	2.672.325.000	98,82%
II	Tiền/Cash(VND)	32.035.983	1,18%
III	Tổng/Total (=I+II)	2.704.360.983	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2.672.325.000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2.704.360.983
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	32.035.983

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	HCM	25.600	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	22.800	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	19.800	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	36.000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 27/07/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 24/07/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	1,00	1,00	0,00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0,00	5,00	-5,00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18.300.000,00	18.200.000,00	100.000,00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	26.720,00	26.950,00	-230,00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	503.011.142.912,00	512.719.222.274,00	-9.708.079.362,00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2.704.360.983,00	2.727.229.905,00	-22.868.922,00
của 1 CCQ/ per Share	27.043,60	27.272,29	-228,69
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2.577,10	2.626,16	-49,06

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 26/07/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 26/07/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 23/07/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 23/07/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative